**TÒA ÁN NH ÂN DÂN TP. T**
**TỈNHH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/10/2019
V/v "Ly hôn"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH H

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Nguyễn Xuân Vinh**
Bà **Nguyễn Thị Tỉnh**
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Hồ Thị Thư** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T*** *tham gia phiên tòa*: Bà **Lê Ánh Dương** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 18 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 469/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/8/2019 về việc ***"Ly hôn"***, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/10/2019 giữa các đương sự sau:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Xuân T** - Sinh năm 1972
Địa chỉ: 75 tổ 21 thôn N, xã N, thành phố T. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Hoàng Văn C** - Sinh năm 1959
Địa chỉ: 75 tổ 21 thôn N, xã N, thành phố T. (Có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân T trình bày:* Tôi và ông Hoàng Văn C kết hôn năm 1993 có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống chúng tôi có nhiều mâu thuẫn do ông C hay ghen tuông vô cớ, nhiều lần mắng chửi xúc phạm tôi. Đối với cha mẹ tôi ông C cũng không quan tâm khi cha mẹ tôi đau ốm qua đời. Tôi đã cho ông C nhiều cơ hội nhưng ông C vẫn không thay đổi tính tình. Tôi không còn tình cảm với ông C nữa nên xin ly hôn

Tôi và ông C có 02 con chung là Hoàng Minh T sinh năm 1994 và Hoàng Minh L sinh ngày 23/6/2003. Cháu T đã trưởng thành khỏe mạnh còn cháu L tôi xin nuôi và không yêu cầu ông C cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung chúng tôi tự giải quyết.

Bị *đơn ông Hoàng Văn C trình bày:* Tôi và bà Phạm Thị Xuân T kết hôn năm 1993 có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng đúng là có những lúc chúng tôi không hòa thuận do tôi ghen khi bà T ra ngoài đi chung với người khác. Tôi nghĩ bà T muốn ly hôn với tôi vì bây giờ tôi đã lớn tuổi, không làm ra tiền. Tôi không đồng ý ly hôn với bà T. Tôi muốn có cơ hội để sửa đổi, tôi rất thương vợ nhưng do tác động bên ngoài nên tôi đã có những cư xử không đúng với vợ. Tôi muốn chuộc lại lỗi lầm nên không đồng ý ly hôn.

Tôi và bà T có hai con chung là Hoàng Minh T sinh năm 1994 và Hoàng Minh L sinh năm 2003. Cháu T đã trưởng thành khỏe mạnh còn cháu L muốn sống với ai thì tùy cháu.

Tài sản chung và nợ chung chúng tôi tự giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung, giao con chung là Hoàng Minh L sinh ngày 23/6/2003 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, không xem xét do đương sự không yêu cầu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

Việc bà Phạm Thị Xuân T khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Hoàng Văn C, xét yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn đúng pháp luật nên chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

** Về nội dung vụ án:* Bà Phạm Thị Xuân T và ông Hoàng Văn C tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân phường L – thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71/93, quyển số AB ngày 06/8/1993. Đây là hôn nhân hợp pháp.

*Hội đồng xét xử xét thấy:* Trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân của bà Phạm Thị Xuân T và ông Hoàng Văn C có nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc. Cả hai không có sự tôn trọng, yêu thương và tin tưởng lẫn nhau. Bà T cho rằng ông C ghen tuông vô cớ, vô tâm với vợ con và gia đình. Ông C cho rằng bà T không muốn ông là gánh nặng nữa nên xin ly hôn. Cả hai đều thừa nhận có mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung. Mặc dù ông C không đồng ý ly hôn nhưng ông không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định rằng tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Xuân T và ông Hoàng Văn C có 02 con chung là Hoàng Minh T sinh năm 1994 và Hoàng Minh L sinh ngày 23/6/2003. Cháu T đã trưởng thành khỏe mạnh còn cháu L bà T xin nuôi và không yêu cầu ông C cấp dưỡng. Bản thân cháu Hoàng Minh L có nguyện vọng muốn được sống với mẹ. Ông C không tranh chấp về con chung, ông tùy ý con muốn sống với ai ông cũng đồng ý. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung là Hoàng Minh L sinh ngày 23/6/2003 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông C do bà T không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Bà Phạm Thị Xuân T phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Phạm Thị Xuân T được ly hôn ông Hoàng Văn C.

2/ Về con chung: giao con chung là Hoàng Minh L sinh ngày 23/6/2003 cho bà Phạm Thị Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông C do bà T không yêu cầu.

Ông Hoàng Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4/ Về án phí: Bà Phạm Thị Xuân T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng bà T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0015053 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, bà T đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận*:**
- *Tòa án nhân dân tỉnh H;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;*
- *Chi cục thi hành án Dân sự Tp. T;*
- *UBND phường L– Tp. T– tỉnh H*
*Giấy ĐKKH quyển AB số 71/93;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**Đào Dương Thị Phương Dung**